

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 13
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18 - 19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22 - 57

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh số 03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.431.408,95 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 54.314.089.552 đồng, mệnh giá 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 64.281.776.652 đồng, tương đương với 6.428.177,66 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 6 tháng 6 năm 2014
Ông Cung Trần Việt	Thành viên độc lập	Ngày 6 tháng 6 năm 2014
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên độc lập	Ngày 6 tháng 6 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Pho Hop, chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Cung Trần Việt
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh số 03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ là 14,54% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm:

- Cổ phiếu (cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư, có tình hình tài chính vững mạnh cùng năng lực quản trị tốt, và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng phát triển trong tương lai; và
- Các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp,... được đánh giá có chất lượng tín dụng tốt và đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy theo vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 do UBCKNN cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 118.724.014.313 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 6.428.177,66 chứng chỉ quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định; giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 đồng. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định).
- Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ (tại thời điểm báo cáo)

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 3.500 VND/chứng chỉ quỹ.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 30/6/2024 (%)	Ngày 30/6/2023 (%)	Ngày 30/6/2022 (%)
Danh mục chứng khoán	66,10	69,81	61,87
Tài sản khác	33,90	30,19	38,13
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	118.724.014.313	87.040.277.632	102.655.028.433
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	6.428.177,66	5.717.623,73	7.016.206,98
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	18.469,31	15.223,16	14.631,13
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	19.090,54	15.245,36	16.933,07
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	16.092,18	14.011,22	14.562,58
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ (b)	21,32	4,05	(5,56)
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	(200,64)	76,87	27,86
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	221,96	(72,82)	(33,42)
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,43	2,28	1,84
14	Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	1,11	0,59	0,98

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Các số liệu tăng trưởng được tính cho giai đoạn 1 năm đến ngày báo cáo (từ ngày 1 tháng 7 đến 30 tháng 6).

(c) Quỹ không phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	21,32	21,32
3 năm	19,22	6,03
Từ khi thành lập	84,69	6,24

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)
Tổng tăng trưởng / 1 đơn vị CCQ	21,32	4,05	(5,56)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

GDP tăng trưởng ấn tượng

GDP Quý II/2024 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 7,99% của Quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2024. Ngành công nghiệp và xây dựng đóng góp tăng trưởng chính của nền kinh tế khi tăng 8,29% so với cùng kỳ năm trước và đóng góp 45,73%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, GDP tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của sáu tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024. Trong tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%.

Lạm phát dưới ngưỡng mục tiêu

CPI 6 tháng đầu năm 2024 tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước (dưới mức mục tiêu 4-4,5%) chủ yếu bởi giá thịt lợn tăng do nguồn cung thiếu hụt sau đợt dịch tả lợn châu Phi vào cuối năm 2023. Lạm phát cơ bản 6 tháng đầu năm 2024 tăng 2,75% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức CPI bình quân chung. Trong đó, giá nhóm phương tiện đi lại giảm 0,17%; giá dầu diesel giảm 0,95%; giá xăng giảm 5,86% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng làm kiềm hãm tốc độ tăng của CPI.

Lượng vốn FDI giải ngân tăng mạnh

Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2024 đạt gần 15,19 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới và vốn đăng ký điều chỉnh đều tăng trưởng tích cực hai chữ số lần lượt ở mức 46,9% và 35% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã thu hút gần 10,84 tỷ USD vốn FDI giải ngân, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 6 tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó, vốn FDI giải ngân riêng trong tháng 6 đạt 2,59 tỷ USD, tăng 31,5% so với tháng trước và tiếp tục lập đỉnh mới kể từ đầu năm.

Xuất nhập khẩu phục hồi rõ nét hơn

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 368,53 tỷ USD, trong đó xuất khẩu tăng 14,5%; nhập khẩu tăng 17%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,63 tỷ USD.

Tình hình xuất nhập khẩu nửa đầu năm 2024 phục hồi rõ rệt so với cùng kỳ năm trước tuy nhiên căng thẳng địa chính trị tiếp tục đẩy giá cước vận tải tăng cao, khiến hoạt động xuất nhập khẩu chịu nhiều ảnh hưởng. Lượng hàng hóa trao đổi vẫn phụ thuộc lớn vào một số thị trường, mặt hàng và khu vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Xuất khẩu sang các thị trường chính như Mỹ và Trung Quốc vẫn tăng trưởng ấn tượng, ghi nhận mức tăng trong 6 tháng lần lượt là 24,2% và 10,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tăng trưởng tín dụng bước đầu khả quan

Tính đến thời điểm 24/6/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 1,50% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm trước tăng 3,68%). Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tính đến ngày 30/6/2024, tăng trưởng tín dụng đã đạt 6%, đạt chỉ tiêu theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ giao đến hết quý II/2024 là 5-6%.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Áp lực tỷ giá gia tăng

Tại ngày 30/06/2024, tỷ giá thị trường tự do dao động quanh 25.980 VND, đánh dấu mức tăng 5,8% kể từ đầu năm. Ngoài ra, tỷ giá trung tâm đạt mức 24.260 đồng, tăng 1,7% so với đầu năm.

Với áp lực tỷ giá tăng cao, Nhà nước đã bán ra khoảng 6,4 tỷ USD từ nguồn dự trữ ngoại hối và khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng trên thị trường chứng khoán với tổng giá trị 53,4 nghìn tỷ VND (khoảng 2 tỷ USD).

Lãi suất tiền gửi có dấu hiệu tăng lại

Nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn giá rẻ, đồng thời điều tiết thị trường và giảm mặt bằng lãi suất cho vay, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong 6 tháng đầu năm 2024.

Về mặt lãi suất tiền gửi, các ngân hàng thương mại vẫn duy trì mức lãi suất thấp kể từ cuối năm 2023. Tuy nhiên, vào tháng 5-6/2024, hàng loạt các ngân hàng có động thái tăng lãi suất trở lại ở tất cả các kỳ hạn sau khi tỷ giá tăng mạnh.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/ 1 đơn vị CCQ	221,96	(41,74)	1.013,55
Tăng trưởng vốn/ 1 đơn vị CCQ	(200,64)	60,96	(928,86)
Tổng tăng trưởng/ 1 đơn vị CCQ	21,32	19,22	84,69
Tăng trưởng hàng năm/ 1 đơn vị CCQ	21,32	6,03	6,24

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	118.724.014.313	98.830.428.185	20,13
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	18.469,31	16.125,14	14,54

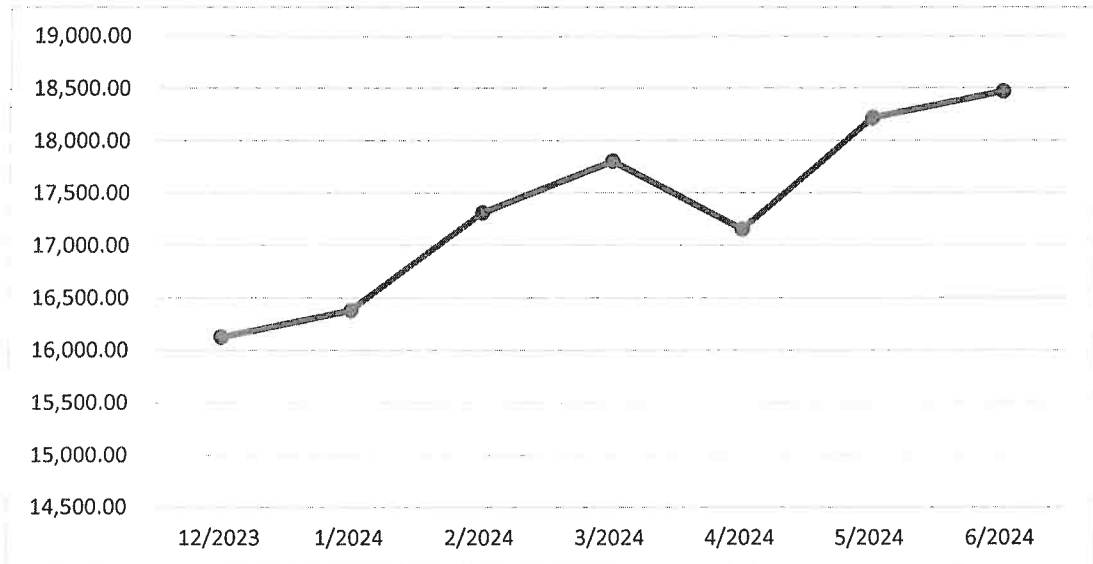
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ của Quỹ:



2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	452	230.066,77	3,58
Từ 5.000 đến 10.000	17	131.183,29	2,04
Từ 10.000 đến 50.000	16	256.580,83	3,99
Từ 50.000 đến 500.000	6	837.489,15	13,03
Trên 500.000	1	4.972.857,62	77,36
Tổng cộng	492	6.428.177,66	100,00

3. Chi phí ngấm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

1. Triển vọng thị trường

Kinh tế được kỳ vọng tiếp nối đà hồi phục

GDP Quý 2/2024 tăng trưởng ấn tượng với mức 6,93% so với cùng kỳ năm trước. Con số này sát so với Quốc hội và tổ chức tiền tệ IMF đặt ra cho Việt Nam là 6-6,5%.

Ngoài ra, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trưởng tích cực đặc biệt nhất là nhóm ngành "Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic". Trong đó, nhóm ngành "Sản xuất và phân phối điện" có IIP tăng trưởng liên tiếp theo tháng trong quý 2. Ngoài ra, chỉ số ngành sản xuất (PMI) trong tháng 6 đạt 54,7 sau khi đi ngang quanh mức 50 từ đầu năm đến nay cho thấy tín hiệu tích cực về mặt đơn hàng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Triển vọng thị trường (tiếp theo)

Dòng vốn FDI diễn biến khả quan

Giải ngân FDI tháng 6 đạt 2,59 tỷ USD (+31,5% so với tháng trước) tiếp tục lập đỉnh mới kể từ đầu năm. Lũy kế, vốn FDI giải ngân đạt 10,84 tỷ USD, trong khi năm 2023 đạt 10,02 tỷ USD, năm 2022 đạt 10,06 tỷ USD.

Lũy kế từ đầu năm 2024, khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu là khu vực thu hút mức vốn FDI đăng kí mới nhiều nhất, chiếm 18% tổng vốn đầu tư. Sau đó là Quảng Ninh (16%) và Bắc Ninh (13%).

Áp lực tỷ giá nóng trở lại khi tăng vượt ngưỡng 5% trong Quý 2/2024 nhưng được kỳ vọng sẽ được giải tỏa dần

Chỉ số DXY đã tăng trở lại trong tháng 6/2024 (+1,2% so với tháng trước) và nâng mức tăng so với đầu năm lên 2,5%. Tại ngày 30/06, tỷ giá thị trường tự do dao động quanh 25.980 VND, đánh dấu mức tăng 5,8% kể từ đầu năm.

Tỷ giá tăng nóng khiến khối ngoại kéo dài chuỗi bán ròng trên thị trường. Tính từ đầu năm đến nay, khối ngoại đã bán ròng 53,4 nghìn tỷ VND (tương đương 2 tỷ USD).

Với áp lực tỷ giá tăng cao, Nhà nước đã can thiệp bằng cách bán ra khoảng 6,4 tỷ USD. Tuy nhiên, các dữ liệu cho thấy thời điểm Fed cắt giảm lãi suất lần đầu tiên trong năm đã đang dần hiện thực hơn và đà phục hồi của xuất khẩu được đánh giá là sẽ giải tỏa áp lực cho tỷ giá.

2. Kế hoạch hoạt động của Quỹ

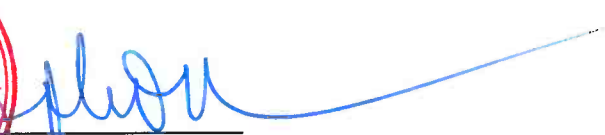
Quỹ dự kiến duy trì tỷ lệ giải ngân cổ phiếu ở mức trung bình trên cơ sở đánh giá Vnindex đã đi vào vùng định giá hợp lý và được hỗ trợ bởi chính sách nới lỏng tiền tệ. Chính sách này có khả năng được tiếp tục duy trì, tuy nhiên mức độ nới lỏng thêm sẽ hạn chế hơn nhất là khi tỷ giá và thanh khoản luôn được thận trọng cao vào giai đoạn cuối năm.

Quỹ vẫn dành sự quan tâm đối với nhóm bất động sản khu công nghiệp khi dòng vốn FDI dồi dào, và nhóm cổ phiếu liên quan đến sự phục hồi kinh tế như các doanh nghiệp xuất khẩu và ngân hàng với sự kỳ vọng nhu cầu tín dụng quay trở lại.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.




Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt ("Quỹ"), cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Lê Đoàn Nhật Quang
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Song Hoanh
Phó Trưởng phòng Định chế tài chính
Và Lưu ký chứng khoán

Số tham chiếu: 13662545/68431961-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 14 đến trang 57, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 14 tháng 8 năm 2023. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Quý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Gray CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		15.887.056.152	10.807.693.262
02	1.1 Cổ tức được chia	13	732.421.000	282.648.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	13	438.107.452	970.977.262
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	14	4.558.189.639	979.249.652
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	15	10.158.338.061	8.574.818.348
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		180.843.823	73.316.115
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	180.843.823	73.316.115
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.143.992.228	942.908.964
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	24.1	650.127.906	492.434.368
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	164.086.310	138.722.009
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	24.2	33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	24.2	99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		79.200.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí hợp, Đại hội Quỹ mở		4.050.000	-
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		69.617.518	69.424.658
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	44.910.494	44.327.929
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		14.562.220.101	9.791.468.183
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		14.562.220.101	9.791.468.183
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.403.882.040	1.216.649.835
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	15	10.158.338.061	8.574.818.348
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		14.562.220.101	9.791.468.183

Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ

Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng



Ông Phan Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	38.628.168.586	30.485.723.761
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		6.325.232.745	6.064.896.503
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		32.302.935.841	24.420.827.258
120	2. Các khoản đầu tư thuần		79.464.092.100	68.949.365.400
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	79.464.092.100	68.949.365.400
130	3. Các khoản phải thu		2.129.435.930	1.125.282.943
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	6	2.021.468.243	1.047.960.697
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		107.967.687	77.322.246
136	3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	7	107.967.687	77.322.246
100	TỔNG TÀI SẢN		120.221.696.616	100.560.372.104
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	8	1.139.326.430	1.373.567.263
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		12.914.901	77.781.327
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.054.399	667.455
315	4. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư		407.334	407.334
316	5. Chi phí phải trả	9	90.790.152	96.200.000
317	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		77.456.941	26.000.000
318	7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		2.269.048	-
319	8. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	10	173.463.098	155.320.540
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.497.682.303	1.729.943.919

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

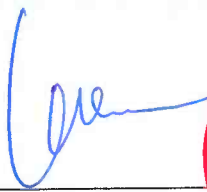
B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		118.724.014.313	98.830.428.185
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	11	64.281.776.652	61.289.669.552
412	1.1 Vốn góp phát hành		104.994.498.752	100.852.724.352
413	1.2 Vốn góp mua lại		(40.712.722.100)	(39.563.054.800)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	11	4.296.600.553	1.957.341.626
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	50.145.637.108	35.583.417.007
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	11	18.469,31	16.125,14
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ			
441	1. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm		-	-
442	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này		21.452.073.549	21.452.073.549

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	6.428.177,66	6.128.966,95


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ


 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng


 Ông Phạm Phú Hợp
 Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

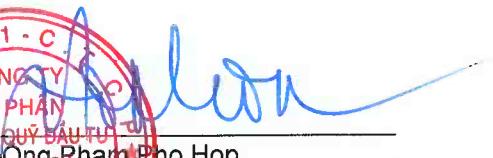
BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu kỳ	98.830.428.185	77.529.970.878
II	Thay đổi NAV trong kỳ	14.562.220.101	9.791.468.183
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	14.562.220.101	9.791.468.183
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	5.331.366.027	(281.161.429)
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	7.346.678.249	455.299.306
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(2.015.312.222)	(736.460.735)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	118.724.014.313	87.040.277.632


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ


 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng


 Ông Phạm Phú Hợp
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B04g-QM

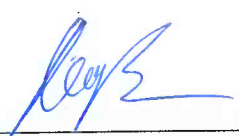
STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết	2.283.339		79.464.092.100	66,10
1	ACB	200.000	23.800	4.760.000.000	3,96
2	ADS	129.987	12.800	1.663.833.600	1,38
3	BMI	50.000	25.050	1.252.500.000	1,04
4	BVH	38.000	46.000	1.748.000.000	1,45
5	BWE	40.000	45.700	1.828.000.000	1,52
6	CTG	75.639	31.000	2.344.809.000	1,95
7	DBC	45.000	34.000	1.530.000.000	1,27
8	DPR	45.000	40.900	1.840.500.000	1,53
9	EVF	90.000	14.300	1.287.000.000	1,07
10	FOX	27.000	108.200	2.921.400.000	2,43
11	FPT	136.073	130.500	17.757.526.500	14,77
12	GAS	65.000	76.600	4.979.000.000	4,14
13	HPG	187.000	28.300	5.292.100.000	4,40
14	MBB	230.340	22.200	5.113.548.000	4,25
15	MWVG	20.000	62.400	1.248.000.000	1,04
16	NLG	30.000	41.400	1.242.000.000	1,03
17	PAN	50.000	24.000	1.200.000.000	1,00
18	PNJ	14.000	95.500	1.337.000.000	1,11
19	PVD	60.000	28.800	1.728.000.000	1,44
20	PVP	90.000	17.050	1.534.500.000	1,28
21	REE	30.000	62.600	1.878.000.000	1,56
22	SGP	45.000	30.500	1.372.500.000	1,14
23	STB	110.000	28.800	3.168.000.000	2,64
24	SZC	40.300	38.750	1.561.625.000	1,30
25	TCB	95.000	23.350	2.218.250.000	1,85
26	VAB	210.000	9.800	2.058.000.000	1,71
27	VNM	40.000	65.500	2.620.000.000	2,18
28	VSC	90.000	22.000	1.980.000.000	1,66

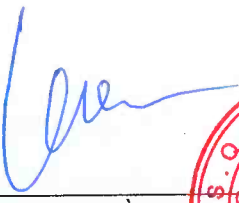
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
II	Các tài sản khác			2.129.435.930	1,77
1	Phải thu về bán các khoản đầu tư			2.021.468.243	1,68
2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			107.967.687	0,09
III	Tiền			38.628.168.586	32,13
1	Tiền gửi ngân hàng			38.628.168.586	32,13
	Trong đó:				
1.1	- Tiền gửi thanh toán			6.325.232.745	5,26
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			32.302.935.841	26,87
IV	Tổng giá trị danh mục			120.221.696.616	100,00


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		14.562.220.101	9.791.468.183
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(10.158.338.061)	(8.574.818.348)
03	Trong đó:			
	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(10.158.338.061)	(8.574.818.348)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		4.403.882.040	1.216.649.835
20	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(356.388.639)	2.778.559.359
06	Tăng phải thu về bán các khoản đầu tư		(973.507.546)	(245.880.625)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(30.645.441)	(14.529.669)
10	(Giảm)/tăng phải trả về mua các khoản đầu tư		(234.240.833)	60.090
11	Giảm phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(64.866.426)	(350.997)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		386.944	(73.558)
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		51.456.941	1.000.000
15	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		2.269.048	(16.190.725.903)
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(5.409.848)	(12.616.434)
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		18.142.558	(10.479.106)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.811.078.798	(12.478.387.008)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	7.346.678.249	455.299.306
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(2.015.312.222)	(736.460.735)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		5.331.366.027	(281.161.429)
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ		8.142.444.825	(12.759.548.437)

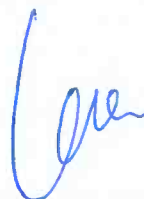
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

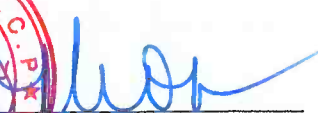
B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		30.485.723.761	16.164.663.074
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		30.485.723.761	16.164.663.074
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		30.459.723.761	16.164.663.074
	Trong đó:			
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	6.038.896.503	16.164.663.074
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	24.420.827.258	-
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	26.000.000	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		38.628.168.586	3.405.114.637
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		38.628.168.586	3.405.114.637
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		38.411.211.645	3.396.447.971
	Trong đó:			
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	6.108.275.804	1.896.447.971
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	32.302.935.841	1.500.000.000
58	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	216.956.941	8.666.666
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		8.142.444.825	(12.759.548.437)


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ


 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng




 Ông Phan Pho Hop
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh số 03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022 và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.431.408,95 chứng chỉ với tổng giá trị là 54.314.089.552 đồng, mệnh giá 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 64.281.776.652 đồng, tương đương với 6.428.177,66 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc bằng cách đầu tư vào cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi tùy theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm:

- Cổ phiếu (cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư, có tình hình tài chính vững mạnh cùng năng lực quản trị tốt, và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng phát triển trong tương lai; và
- Các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp,... được đánh giá có chất lượng tín dụng tốt và đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư: Quỹ đa dạng vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Kỳ xác định giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (với kỳ định giá hàng ngày) và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hằng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản đầu tư dưới đây:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và/hoặc các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành; và
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (nếu có) (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) được phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm giữ từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành; và
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ VCAMBF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và phải bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
 - ii. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
 - iii. Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư được quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành ;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt của Quỹ tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán theo hợp đồng tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng Khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận
7.	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán	Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng Khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá trị sổ sách
9.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom	Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng Khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá trị sổ sách.
10.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
11.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Quan cung cấp; Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: - Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá trị sổ sách.
13.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
15.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá mua giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
16.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
18.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
19.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá xác định theo phương pháp, mô hình lý thuyết được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hai (2) số thập phân.

3.5 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

3.5.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.5.3 *Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận phân phối*" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 thì giá dịch vụ quản lý quỹ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Theo đó, giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,2% (một phẩy hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

3.8.2 Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% (không phẩy không ba phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.3 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập danh sách thực hiện quyền là 1.000.000 đồng trên một lần lập danh sách. Giá có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.4 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ là 0,02% (không phẩy không hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ giám sát Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu là 5.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.5 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký Quỹ là 0,06% (không phẩy không sáu phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ lưu ký Quỹ tối thiểu là 20.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.6 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,03% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết/chưa đăng ký giao dịch thì mức phí tối thiểu là 100.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với trái phiếu thì mức phí tối thiểu 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các khoản đầu tư khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/ngày phát sinh giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư, Công văn số 741/CCTQ3-TTHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc trả lời công văn số 22/2022/CV-VCAM ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt về chính sách thuế.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các nhà đầu tư này có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi nhận lợi tức, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân trong nước hay nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	6.108.275.804	6.038.896.503
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ	216.956.941	26.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VND	32.302.935.841	24.420.827.258
- Ngân hàng TMCP Bản Việt	22.891.046.484	18.088.010.174
- Ngân hàng TMCP Á Châu	9.411.889.357	6.332.817.084
	38.628.168.586	30.485.723.761

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng/ (giảm) thuần VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Cổ phiếu niêm yết	<u>65.095.024.366</u>	<u>79.464.092.100</u>	<u>17.515.281.939</u>	<u>(3.146.214.205)</u>	<u>14.369.067.734</u>	<u>79.464.092.100</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Cổ phiếu niêm yết	<u>64.738.635.727</u>	<u>68.949.365.400</u>	<u>9.720.304.974</u>	<u>(5.509.575.301)</u>	<u>4.210.729.673</u>	<u>68.949.365.400</u>
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ					<u>10.158.338.061</u>	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. PHẢI THU VỀ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư	2.021.468.243	1.047.960.697

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu cho việc bán các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

7. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Dự thu cổ tức	65.000.000	22.500.000
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	42.967.687	54.822.246
	107.967.687	77.322.246

8. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.139.326.430	1.373.567.263

Phải trả về mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc bán các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí kiểm toán	69.617.518	80.000.000
Thù lao ban đại diện quỹ	16.200.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	4.972.634	-
	90.790.152	96.200.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 Năm 2023 VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	117.314.460	99.394.226
Phải trả phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	20.000.000	20.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát quỹ	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	948.638	726.314
	173.463.098	155.320.540

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Số đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	10.085.272,43	414.177,44	10.499.449,87
Giá trị ghi theo mệnh giá	100.852.724.352	4.141.774.400	104.994.498.752
Thặng dư vốn	19.956.587.557	3.204.903.849	23.161.491.406
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	120.809.311.909	7.346.678.249	128.155.990.158
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(3.956.305,48)	(114.966,73)	(4.071.272,21)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(39.563.054.800)	(1.149.667.300)	(40.712.722.100)
Thặng dư vốn	(17.999.245.931)	(865.644.922)	(18.864.890.853)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(57.562.300.731)	(2.015.312.222)	(59.577.612.953)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	6.128.966,95	299.210,71	6.428.177,66
Giá trị vốn góp hiện hành	63.247.011.178	5.331.366.027	68.578.377.205
Lợi nhuận chưa phân phối	35.583.417.007	14.562.220.101	50.145.637.108
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	98.830.428.185		118.724.014.313
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	16.125,14		18.469,31

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 Năm 2023 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	35.583.417.007	20.503.333.450
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	14.562.220.101	15.080.083.557
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	4.403.882.040	3.187.927.710
- Lợi nhuận chưa thực hiện	10.158.338.061	11.892.155.847
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	50.145.637.108	35.583.417.007

13. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Cổ tức được chia	732.421.000	282.648.000
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	438.107.452	970.977.262
	1.170.528.452	1.253.625.262

14. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	62.682.176.000	58.123.986.361	4.558.189.639
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	24.694.230.000	23.714.980.348	979.249.652

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

15. CHÊNH LỆCH TĂNG/ (GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	65.095.024.366	79.464.092.100	14.369.067.734	4.210.729.673	10.158.338.061

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	60.029.390.526	60.922.782.700	893.392.174	(7.681.426.174)	8.574.818.348
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	21.321.336.987	21.321.336.987	-	-	-
	81.350.727.513	82.244.119.687	893.392.174	(7.681.426.174)	8.574.818.348

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/ (5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	21.753.620.000	120.562.551.000	18,04	0,15	0,15
2	Công ty cổ phần chứng khoán SSI	Không liên quan	17.887.985.000	120.562.551.000	14,84	0,15	0,15
3	Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap	Bên liên quan	24.546.915.000	120.562.551.000	20,36	0,15	0,15
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không liên quan	26.571.121.000	120.562.551.000	22,04	0,15	0,15
5	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	Không liên quan	29.802.910.000	120.562.551.000	24,72	0,15	0,15
Tổng			120.562.551.000		100,00		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	16.269.323.000	48.877.408.000	33,29	0,15	0,15
2	Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công	Không liên quan	15.321.285.000	48.877.408.000	31,35	0,15	0,15
3	Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap	Bên liên quan	13.183.400.000	48.877.408.000	26,97	0,15	0,15
4	Công ty cổ phần chứng khoán SSI	Không liên quan	4.103.400.000	48.877.408.000	8,39	0,15	0,15
Tổng			48.877.408.000		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của cổ phiếu niêm yết.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	86.820.563	36.274.768
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	94.023.260	37.041.347
	180.843.823	73.316.115

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán trả cho Ngân hàng giám sát	120.000.000	120.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ trả cho Ngân hàng Giám sát	40.079.060	15.487.398
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	4.007.250	3.234.611
	164.086.310	138.722.009

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban	4.972.634	4.958.908
Chứng khoán Nhà nước	3.937.860	3.369.021
Phí ngân hàng	44.910.494	44.327.929

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	31-12-2023	98.830.428.185	6.128.966,95	16.125,14	
2	01-01-2024	98.827.318.935	6.128.966,95	16.124,63	(0,51)
3	02-01-2024	98.632.397.935	6.129.212,57	16.092,18	(32,45)
4	03-01-2024	99.375.140.548	6.130.706,15	16.209,41	117,23
5	04-01-2024	99.955.145.425	6.132.424,87	16.299,45	90,04
6	07-01-2024	100.286.271.736	6.132.678,71	16.352,77	53,32
7	08-01-2024	100.438.506.923	6.133.266,74	16.376,02	23,25
8	09-01-2024	100.195.897.822	6.134.598,82	16.332,92	(43,10)
9	10-01-2024	99.796.153.012	6.128.503,11	16.283,94	(48,98)
10	11-01-2024	99.701.089.681	6.120.808,93	16.288,87	4,93
11	14-01-2024	99.436.880.502	6.121.350,61	16.244,27	(44,60)
12	15-01-2024	99.317.776.376	6.124.168,20	16.217,35	(26,92)
13	16-01-2024	99.824.411.269	6.124.290,90	16.299,75	82,40
14	17-01-2024	99.876.442.640	6.124.412,98	16.307,92	8,17
15	18-01-2024	100.124.185.764	6.125.103,80	16.346,53	38,61
16	21-01-2024	100.729.404.190	6.124.961,40	16.445,72	99,19
17	22-01-2024	100.669.639.792	6.125.566,41	16.434,34	(11,38)
18	23-01-2024	100.499.351.769	6.127.083,48	16.402,48	(31,86)
19	24-01-2024	100.245.577.959	6.127.872,07	16.358,95	(43,53)
20	25-01-2024	100.177.479.857	6.128.358,64	16.346,54	(12,41)
21	28-01-2024	100.514.756.990	6.125.225,93	16.409,97	63,43
22	29-01-2024	100.670.462.949	6.125.225,93	16.435,39	25,42
23	30-01-2024	101.209.440.573	6.125.896,32	16.521,57	86,18
24	31-01-2024	100.342.921.340	6.126.016,76	16.379,80	(141,77)
25	01-02-2024	101.548.974.045	6.126.440,71	16.575,53	195,73
26	04-02-2024	101.798.757.138	6.127.329,27	16.613,89	38,36
27	05-02-2024	103.017.267.490	6.127.258,52	16.812,95	199,06
28	06-02-2024	103.438.359.195	6.128.388,73	16.878,56	65,61
29	08-02-2024	103.957.131.196	6.130.839,37	16.956,43	77,87
30	14-02-2024	103.935.385.601	6.130.839,37	16.952,88	(3,55)
31	15-02-2024	104.341.658.728	6.155.764,37	16.950,24	(2,64)
32	18-02-2024	104.966.140.260	6.157.383,00	17.047,20	96,96
33	19-02-2024	105.443.615.105	6.158.900,52	17.120,53	73,33
34	20-02-2024	105.283.506.166	6.159.420,91	17.093,09	(27,44)
35	21-02-2024	105.592.101.930	6.160.241,18	17.140,90	47,81
36	22-02-2024	105.482.160.959	6.160.653,28	17.121,91	(18,99)
37	25-02-2024	104.389.066.507	6.163.706,83	16.936,09	(185,82)
38	26-02-2024	105.460.287.387	6.169.205,49	17.094,63	158,54
39	27-02-2024	106.529.161.792	6.181.350,97	17.233,96	139,33
40	28-02-2024	107.303.016.034	6.194.108,91	17.323,40	89,44
41	29-02-2024	107.170.721.927	6.190.601,13	17.311,84	(11,56)
42	03-03-2024	107.744.056.876	6.191.760,98	17.401,20	89,36
43	04-03-2024	108.268.928.779	6.195.219,68	17.476,20	75,00
44	05-03-2024	108.692.045.717	6.201.410,15	17.526,99	50,79
45	06-03-2024	108.377.263.920	6.216.647,08	17.433,39	(93,60)
46	07-03-2024	108.853.286.697	6.217.613,22	17.507,25	73,86
47	10-03-2024	107.569.480.937	6.223.953,63	17.283,14	(224,11)
48	11-03-2024	106.937.702.945	6.224.083,16	17.181,28	(101,86)
49	12-03-2024	107.821.576.088	6.238.369,03	17.283,62	102,34
50	13-03-2024	110.016.531.148	6.238.714,40	17.634,49	350,87

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
51	14-03-2024	110.248.548.169	6.239.070,45	17.670,67	36,18
52	17-03-2024	110.324.276.768	6.239.081,45	17.682,78	12,11
53	18-03-2024	108.221.026.353	6.240.375,60	17.342,07	(340,71)
54	19-03-2024	107.949.426.084	6.238.362,96	17.304,13	(37,94)
55	20-03-2024	109.372.481.049	6.239.088,96	17.530,20	226,07
56	21-03-2024	110.372.682.758	6.239.571,36	17.689,15	158,95
57	24-03-2024	110.406.511.435	6.240.017,47	17.693,30	4,15
58	25-03-2024	109.498.838.148	6.240.270,51	17.547,13	(146,17)
59	26-03-2024	110.604.899.601	6.241.712,31	17.720,28	173,15
60	27-03-2024	110.910.001.858	6.241.855,36	17.768,76	48,48
61	28-03-2024	111.543.318.220	6.242.695,31	17.867,81	99,05
62	31-03-2024	111.193.728.754	6.245.793,71	17.802,98	(64,83)
63	01-04-2024	110.837.357.903	6.245.483,87	17.746,80	(56,18)
64	02-04-2024	111.316.116.878	6.249.394,64	17.812,30	65,50
65	03-04-2024	110.514.834.854	6.253.930,48	17.671,26	(141,04)
66	04-04-2024	109.850.302.266	6.255.281,84	17.561,21	(110,05)
67	07-04-2024	108.850.603.228	6.249.615,34	17.417,17	(144,04)
68	08-04-2024	108.301.759.755	6.253.167,17	17.319,50	(97,67)
69	09-04-2024	109.086.391.030	6.254.499,30	17.441,27	121,77
70	10-04-2024	108.852.263.237	6.255.110,28	17.402,13	(39,14)
71	11-04-2024	108.986.250.517	6.256.139,43	17.420,69	18,56
72	14-04-2024	110.255.302.317	6.255.158,45	17.626,30	205,61
73	15-04-2024	106.154.508.615	6.258.065,10	16.962,83	(663,47)
74	16-04-2024	106.492.848.965	6.262.616,61	17.004,53	41,70
75	18-04-2024	105.155.831.369	6.258.713,47	16.801,51	(203,02)
76	21-04-2024	104.189.118.763	6.273.641,40	16.607,44	(194,07)
77	22-04-2024	105.169.662.793	6.273.642,95	16.763,73	156,29
78	23-04-2024	104.945.967.738	6.272.944,09	16.729,94	(33,79)
79	24-04-2024	107.527.742.392	6.273.122,62	17.141,02	411,08
80	25-04-2024	107.627.770.024	6.273.993,42	17.154,59	13,57
81	30-04-2024	107.617.335.405	6.274.154,81	17.152,48	(2,11)
82	01-05-2024	107.613.651.656	6.274.154,81	17.151,90	(0,58)
83	02-05-2024	108.399.255.726	6.274.637,63	17.275,78	123,88
84	05-05-2024	108.795.132.622	6.277.000,35	17.332,34	56,56
85	06-05-2024	110.300.352.851	6.281.363,22	17.559,94	227,60
86	07-05-2024	111.515.643.027	6.281.515,44	17.752,98	193,04
87	08-05-2024	111.536.005.541	6.281.173,70	17.757,19	4,21
88	09-05-2024	111.575.649.634	6.281.227,85	17.763,35	6,16
89	12-05-2024	111.650.670.045	6.281.666,30	17.774,05	10,70
90	13-05-2024	111.069.071.353	6.281.666,30	17.681,47	(92,58)
91	14-05-2024	111.300.479.493	6.281.666,30	17.718,31	36,84
92	15-05-2024	112.436.176.631	6.281.418,93	17.899,81	181,50
93	16-05-2024	114.360.900.305	6.338.688,70	18.041,73	141,92
94	19-05-2024	114.369.656.606	6.338.713,67	18.043,04	1,31
95	20-05-2024	114.542.405.050	6.338.823,95	18.069,98	26,94
96	21-05-2024	115.178.819.465	6.331.358,90	18.191,80	121,82
97	22-05-2024	114.944.809.704	6.331.468,33	18.154,53	(37,27)
98	23-05-2024	116.011.851.664	6.331.626,94	18.322,60	168,07
99	26-05-2024	114.407.727.743	6.331.268,63	18.070,27	(252,33)
100	27-05-2024	115.262.605.951	6.332.690,46	18.201,21	130,94

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
101	28-05-2024	116.951.705.012	6.333.358,24	18.465,99	264,78
102	29-05-2024	115.937.447.808	6.333.519,88	18.305,37	(160,62)
103	30-05-2024	115.447.448.351	6.332.919,90	18.229,73	(75,64)
104	31-05-2024	115.462.464.105	6.336.729,35	18.221,14	(8,59)
105	02-06-2024	115.454.935.576	6.336.729,35	18.219,96	(1,18)
106	03-06-2024	116.945.028.582	6.336.884,60	18.454,66	234,70
107	04-06-2024	117.936.558.571	6.340.609,01	18.600,19	145,53
108	05-06-2024	118.082.997.397	6.341.730,88	18.620,00	19,81
109	06-06-2024	117.985.540.389	6.340.590,77	18.607,97	(12,03)
110	09-06-2024	118.977.876.809	6.336.891,54	18.775,43	167,46
111	10-06-2024	119.715.833.430	6.340.578,51	18.880,90	105,47
112	11-06-2024	119.822.221.013	6.349.400,52	18.871,42	(9,48)
113	12-06-2024	121.270.876.758	6.352.405,82	19.090,54	219,12
114	13-06-2024	121.045.265.272	6.353.137,11	19.052,83	(37,71)
115	16-06-2024	119.738.213.810	6.355.045,86	18.841,44	(211,39)
116	17-06-2024	119.539.149.638	6.355.415,49	18.809,02	(32,42)
117	18-06-2024	119.760.969.486	6.372.290,63	18.794,02	(15,00)
118	19-06-2024	120.288.833.231	6.372.343,57	18.876,70	82,68
119	20-06-2024	120.684.471.363	6.380.683,81	18.914,03	37,33
120	23-06-2024	121.352.633.912	6.390.828,69	18.988,56	74,53
121	24-06-2024	118.834.791.562	6.391.195,52	18.593,52	(395,04)
122	25-06-2024	118.929.404.076	6.403.732,20	18.571,89	(21,63)
123	26-06-2024	119.745.007.724	6.421.231,76	18.648,29	76,40
124	27-06-2024	119.918.497.676	6.424.780,46	18.665,00	16,71
125	30-06-2024	118.724.014.313	6.428.177,66	18.469,31	(195,69)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 109.120.851.587

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất 663,47

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất 0,51

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	31-12-2022	77.529.970.878	5.737.082,56	13.513,83	
2	05-01-2023	80.457.363.456	5.737.082,56	14.024,09	510,26
3	12-01-2023	81.026.918.258	5.736.758,56	14.124,16	100,07
4	19-01-2023	84.018.863.075	5.736.969,89	14.645,16	521,00
5	26-01-2023	84.018.882.270	5.736.969,89	14.645,17	0,01
6	31-01-2023	84.475.206.478	5.737.649,29	14.722,96	77,79
7	02-02-2023	82.720.046.223	5.737.649,29	14.417,06	(305,90)
8	09-02-2023	81.953.868.075	5.737.653,02	14.283,52	(133,54)
9	16-02-2023	82.311.248.237	5.736.710,48	14.348,16	64,64
10	23-02-2023	81.909.922.687	5.736.589,87	14.278,50	(69,66)
11	28-02-2023	80.302.525.915	5.731.299,79	14.011,22	(267,28)
12	02-03-2023	80.960.004.317	5.731.299,79	14.125,94	114,72
13	09-03-2023	81.969.094.944	5.731.280,00	14.302,06	176,12
14	16-03-2023	81.217.685.900	5.731.156,12	14.171,26	(130,80)
15	23-03-2023	80.887.913.600	5.727.955,75	14.121,60	(49,66)
16	30-03-2023	81.589.140.524	5.728.533,80	14.242,59	120,99
17	31-03-2023	81.546.128.206	5.728.399,66	14.235,41	(7,18)
18	06-04-2023	82.531.929.758	5.728.399,66	14.407,50	172,09
19	13-04-2023	82.412.382.560	5.728.399,66	14.386,63	(20,87)
20	20-04-2023	81.635.102.207	5.728.607,14	14.250,43	(136,20)
21	27-04-2023	81.417.429.941	5.723.208,40	14.225,84	(24,59)
22	30-04-2023	81.750.677.165	5.736.835,78	14.250,13	24,29
23	04-05-2023	81.449.595.665	5.736.835,78	14.197,65	(52,48)
24	11-05-2023	82.224.961.746	5.739.050,35	14.327,28	129,63
25	18-05-2023	82.409.447.551	5.718.314,51	14.411,49	84,21
26	25-05-2023	82.302.797.234	5.720.597,85	14.387,10	(24,39)
27	31-05-2023	83.571.035.113	5.721.011,44	14.607,74	220,64
28	01-06-2023	83.724.494.561	5.721.011,44	14.634,56	26,82
29	08-06-2023	84.723.361.005	5.721.419,33	14.808,10	173,54
30	15-06-2023	85.111.947.651	5.721.363,27	14.876,17	68,07
31	22-06-2023	86.827.997.023	5.718.885,58	15.182,68	306,51
32	29-06-2023	87.161.444.978	5.717.246,00	15.245,36	62,68
33	30-06-2023	87.040.277.632	5.717.623,73	15.223,16	(22,20)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ					82.739.365.436
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất					521,00
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất					0,01

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành đến 1 năm	1.417.062,16	1.090.863,82
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành trên 1 năm	5.011.115,50	5.038.103,13
	6.428.177,66	6.128.966,95

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,43	2,28
Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	1,11	0,59

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng là tài sản có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào tiền gửi ngân hàng có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 79.464.092.100 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng hoặc giảm 10,21% (tỷ lệ thay đổi chỉ số VN-Index tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 so với ngày 31 tháng 12 năm 2023) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng là 8.113.283.803 đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

22.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	38.628.168.586	38.628.168.586	30.485.723.761	30.485.723.761
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	6.325.232.745	6.325.232.745	6.064.896.503	6.064.896.503
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	32.302.935.841	32.302.935.841	24.420.827.258	24.420.827.258
Các khoản đầu tư	79.464.092.100	79.464.092.100	68.949.365.400	68.949.365.400
- Cổ phiếu niêm yết	79.464.092.100	79.464.092.100	68.949.365.400	68.949.365.400
Các khoản phải thu	2.129.435.930	2.129.435.930	1.125.282.943	1.125.282.943
	120.221.696.616	120.221.696.616	100.560.372.104	100.560.372.104
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.139.326.430	1.139.326.430	1.373.567.263	1.373.567.263
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	12.914.901	12.914.901	77.781.327	77.781.327
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334	407.334
Chi phí phải trả	90.790.152	90.790.152	96.200.000	96.200.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	77.456.941	77.456.941	26.000.000	26.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	2.269.048	2.269.048	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	173.463.098	173.463.098	155.320.540	155.320.540
	1.496.627.904	1.496.627.904	1.729.276.464	1.729.276.464

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý quỹ mở	650.127.906	492.434.368
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Phí môi giới	36.820.374	19.775.100
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập từ lãi tiền gửi kỳ hạn Thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi Phí ngân hàng	344.539.743 - -	444.247.639 135.205.480 1.240.521

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	117.314.460	99.394.226
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Phải trả thù lao	16.200.000	16.200.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Tiền gửi có kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.891.046.484 29.401.290	18.088.010.174 45.074.229

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	4.972.857,62	77,36	4.965.042,17	81,01
Bên liên quan khác		437.013,97	6,80	433.231,84	7,07
		5.409.871,59	84,16	5.398.274,01	88,08

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,03% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết/chưa đăng ký giao dịch thì mức phí tối thiểu là 100.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với trái phiếu thì mức phí tối thiểu 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các khoản đầu tư khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/ngày phát sinh giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.731.852	159.393.918
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	120.000.000	120.000.000
Phí dịch vụ giám sát quỹ	33.000.000	33.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	40.079.060	15.487.398
Phí ngân hàng	3.937.860	2.128.500

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi thanh toán	6.108.275.804	6.038.896.503
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ	216.956.941	26.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	20.000.000	20.000.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	948.638	726.314

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Ông Phạm Thọ Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024